



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN THAI HOA
Last Middle First

Current Address 12/2 Pham Van Hai F10 TAN BINH HCM City VN

Date of Birth 2.2.1935 Place of Birth NAM DINH

Previous Occupation (before 1975) MAJOR
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 1975 To 1988

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN THAI HOA
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1 NGUYEN Thi TIN	1937	Wife
2 NGUYEN THAI AN	1958	Son
3 NG. Thi THUY DIEM	1964	daughter
4 Nguyen thi THUY MY	1967	daughter
5 Nguyen Thi THUY PHUNG	1969	daughter
6 Nguyen thi THUY DIEP	1972	daughter
7. Nguyen thi THUY TRAN	1974	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Questionnaires for ex-political prisoner in Vietnam

I Basic information of applicant in Vietnam:

1. Full name of ex-political prisoner: HOA NGUYỄN-THAI
2. Date and place of birth: February 2nd, 1935 Namdinh
3. Position, Rank (before April 30, 1975)
 - Chief MSS Kiểm tẩn sub sector, Long khánh sector. Major.
 - Deputy of Long khánh province-committee.
4. Military serial number 35/112.221
5. Month, date, year arrested Jun 15, 1975
6. Month, date, year release Feb 13, 1988
7. Current address 12/2 Pham van Hai, 10 Quarter, Tân binh district, Hồ Chí Minh city.

II List of full name, date of birth, place of ex-political prisoner, immediate family and parents:

A. Relative to accompany with ex-political prisoner to be immigrate for the USA:

Name (in Vietnam order)	Date of birth	Place of birth	Sex	Relationship
NGUYỄN-THỊ-TIN	24-4-1937	Namdinh	female	wife
NGUYỄN-THAI-ÂN	26-2-1958	Biên hòa	male	son
NGUYỄN-THỊ-THÚY-DIỆM	13-7-1964	Saigon	female	daughter
NGUYỄN-THỊ-THÚY-MỸ	9-7-1967	Saigon	female	daughter
NGUYỄN-THỊ-THÚY-PHUNG	23-11-1969	Saigon	female	daughter
NGUYỄN-THỊ-THÚY-DIỆP	18-1-1972	Gia đình	female	daughter
NGUYỄN-THỊ-THÚY-TRẦN	5-10-1974	Gia đình	female	daughter

B. Complete family listing (living/dead) of ex-political prisoner:

Name	Relationship	Address
NGUYỄN-RUY	father-dead	
VŨ-THỊ-MƠ	mother-dead	
NGUYỄN-THỊ-TIN	wife-living	12/2 Pham van Hai, F10, Tân binh, Hồ Chí Minh city
NGUYỄN-THAI-ÂN	son-living	12/2 Pham van Hai, F10, Tân binh, Hồ Chí Minh city
NGUYỄN-THAI-HÀ	daughter-living-married	12/2 Pham van Hai, F10, Tân binh, Hồ Chí Minh city

NGUYỄN THỊ LAN ANH	daughter - dead	ref 2 Phạm Văn Hai, F10, Tân Bình, Hồ Chí Minh city
NGUYỄN THỊ THÚY DIỆM	daughter - living	ref 2 Phạm Văn Hai, F10, Tân Bình, Hồ Chí Minh city
NGUYỄN THỊ THÚY MỸ	daughter - living	ref 2 Phạm Văn Hai, F10, Tân Bình, Hồ Chí Minh city
NGUYỄN THỊ THÚY PHUNG	daughter - living	ref 2 Phạm Văn Hai, F10, Tân Bình, Hồ Chí Minh city
NGUYỄN THỊ THÚY DIỆP	daughter - living	ref 2 Phạm Văn Hai, F10, Tân Bình, Hồ Chí Minh city
NGUYỄN THỊ THÚY TRÂM	daughter - living	ref 2 Phạm Văn Hai, F10, Tân Bình, Hồ Chí Minh city

III Relative outside Vietnam:

None

IV Comment: I request to immigrate to USA under the program for ex-political prisoner in Vietnam for the purpose of seeking a new life. Please approval on the above to help me through humanitarian act will be highly appreciated.

Thankfully

Remarks:

1. Training courses in Vietnam:

From Dec 31, 1960 to Dec 23, 1961 Thủ Đức Academic 11th course.

2. Training courses outside Vietnam:

In Fort Buckner (Okinawa) United States Army Pacific Intelligence school:

- From July to Aug, 1969 graduation of certificate of training DAME DASE PHOTO by colonel DUDDY commander school.

- From Jan to March, 1972 graduation of certificate training in SPECIAL COLLECTION by colonel BALMFORT commander school.

3. After April 30, 1975:

Arrested in various re-education camps (state prison):

- Thanh Ông Năm camp, Hồ Chí Minh city (south VN) 1975 - 1976

- Suối Mây camp, Đồng Nai province (south VN) 1976.

- Yên Bái camp, Hoàng Liên Sơn province (north VN) 1976 - 1977

- Vĩnh Quang camp, Vĩnh Phú province (north VN) 1977 - 1982

- Xuân Lộc camp, Đồng Nai province (south VN) 1982 - 1988.

V List of document attached:

1. Release certificate

2 copies.

2. Birth certificate

14 original copies and 2 copies.

3. Marriage certificate

1 original copy and 1 copy.

September 19, 1988

Signature



BỘ NỘI VỤ
Trại **XUÂN LỘC**
Số **202** GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QT.TG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	1	6	7	7	0	2	8	5	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thủ hành án văn, quyết định tha số **63/QĐ** ngày **04** tháng **02** năm **1988**

của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **NGUYỄN THÁI HOÀ**

Sinh năm 19 **35**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Nam định**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

12/2 Phường 10. Quận Tân Bình. TP/ HO CHI MINH

Cán tội **Thiếu tá nghi viện hội đồng tỉnh**

Bị bắt ngày **15-6-75** Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **12/2 Phường 10. Quận Tân Bình. TP/ HO CHI MINH**

Nhận xét quá trình cải tạo

- Trong thời gian cải tạo ở trại luôn nhiệt tình với công việc giao, nội quy chấp hành tốt.

Hương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày **24** tháng **02** năm 19 **88**

Lần tay ngón trỏ phải
Của **Nguyễn Thái Hoà**
Danh bản số _____
Lập tại _____

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Nguyễn Thái Hoà

Nguyễn Thái Hoà

Ngày **13** tháng **02** năm 19 **88**
Giám thị

Nguyễn Thanh Tâm

Thiếu tá: **NGUYỄN THANH TÂM**

Công an P10
Khai nhân: Nguyễn Văn Hùng Sinh 1935
Ở Trại đôn tại địa phương.
710 ngày 14.2.1980
PCA-



K' Văn Hùng

BỘ NỘI VỤ
Trại **XUAN LOC**

Số **CRI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

Mẫu số 001-QT.TG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	1	6	7	7	0	2	8	5	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **63/QĐ** ngày **04** tháng **02** năm **1988**

của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **NGUYỄN THÁI HOÀ**

Sinh năm 19 **35**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Nam định**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

12/2 Phường 10, Quận Tân Bình, TP/ HO CHI MINH

Cán tội **Thiếu tá nghi viện hội đồng tỉnh**

Bị bắt ngày **15-6-75**

Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **12/2 Phường 10, Quận Tân Bình, TP/ HO CHI MINH**

Nhận xét quá trình cải tạo

- Trong thời gian cải tạo ở trại luôn nhiệt tình với công việc giao, nội quy chấp hành tốt.

Hương ơ phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày **24** tháng **02** năm 19 **88**

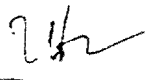
Lần tay ngón trỏ phải

Của **Nguyễn Thái Hoà**

Danh bìn số

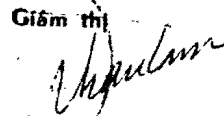
Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy



Nguyễn Thái Hoà

Ngày **13** tháng **02** năm 19 **88**
Giám thị



Thiếu tá: **NGUYỄN THANH TÂM**

Công an PĐ
tại nhậm 1 Nguyễn Văn Hùng Sinh 1955
Cố Trúch dĩa tại địa P. Hùng.
910 ngày 10.2.1980
P.C.A.



K. Văn Hùng

Saigon ngày 27-9-1988.

Thưa bà.

Vì chúng tôi không đủ tiền bưu phí
nên không thể gửi đầy đủ hộ ở dưới kèm
như đã liệt kê. Xin bà hết lòng giúp đỡ.
Chúng tôi chân thành cảm ơn bà. Kính chúc
bà và gia quyến vạn an.

Đa tạ



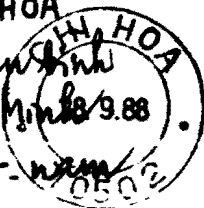
Nguyễn Thái Hòa

FROM: NGUYỄN THAI HÒA

12/2 Phường 10. Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh 9.88

PAR AVION

Việt-nam



VIET NAM

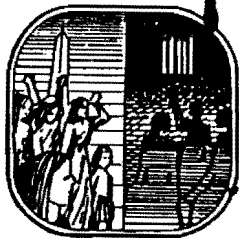
✚ 3561 đ

BƯU CHÍNH
SỐ 001



TO: Mrs KHUC-MINH-THO
P.O. BOX 5435 ARLINGTON
VA 22205 0635 U.S.A

VIA AIR MAIL PAR AVION



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN THAI HOA
Last Middle First

Current Address: _____

Date of Birth: _____ Place of Birth: _____

Previous Occupation (before 1975) _____
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From _____ To _____
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Saigon ngày 28-5-1989

Thưa Bà,

Chúng tôi đã nhận được thư của bà để ngày 28-4-1989. Chúng tôi rất cảm kích trước sự tận tâm giúp đỡ của bà. Chúng tôi xin gửi trở lại các hồ sơ bổ túc gồm:

- 01 hôn thú ở khai sinh.
- 08 bản sao chứng minh nhân dân, bản sao hộ khẩu, 08 bản sao
- 01 bản sao giấy điều trị bệnh san thán tại bệnh viện

Quân đội Mỹ tại Okinawa tháng 7-1966 trong thời gian tôi theo học tài liệu tình hình thái bình dương của Quân đội Hoa Kỳ tại Okinawa (USARPACINTL SCH: US Army Pacific Intelligence School). Vì tôi không còn gửi được giấy tờ gì liên quan đến 2 khóa học mà tôi đã học tại trường này cũng như các giấy tờ liên hệ đến binh nghiệp của tôi.

Chúng tôi chân thành cảm ơn bà và các công tác viên của bà đã dành mọi sự giúp đỡ rất cao quý cho chúng tôi. Kính chúc bà và quý quyến cũng các công tác viên của bà mọi an lành.

Địa chỉ của chúng tôi: NGUYỄN THÁI HOÀ,
12/2 Phạm Văn Hai, Phường 3, Q. Tân Bình, TP
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Kính thư



Nguyễn Thái Hòa



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~02-02-1935~~

Họ tên **NGUYỄN THÁI HÒA**

Sinh ngày **02-02-1935**
Nguyên quán **Hà Nam Ninh.**

Nơi thường trú **12/2 Phạm Văn-**
Hải Phòng, TB, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

kinh

Tôn giáo:

Thiên chúa



MÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cách 3cm
dưới trước đuôi mắt
trái.



MÓN TRỎ PHẢI

Ngày 18 tháng 06 năm 1988



HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

Nguyễn Văn...
Tết Chanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022429867**

Họ tên **NGUYỄN THỊ THÚY DIỆP**

Sinh ngày **18-1-1972**

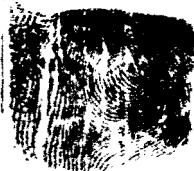
Nguyên quán **Hà Nam Ninh**

Nơi thường trú **12/2 Phạm Văn
Hải P.10, T/B, TP. Hồ Chí Minh**

Dẫn tới

kính

lông giao, 10/10/1967



NGON THOẠI



NGON THOẠI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Số trên 0, bên dưới
Số trên trước đây
mặt trái

Ngày 10 tháng 0 năm 1967



TRƯỞNG TY CÔNG AN

Handwritten signature

Viết Chanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **270588030**

Họ tên **NGUYỄN THỊ TIN**



Sinh ngày **1937**

Nguyên quán **Hà nam ninh**

Nơi thường trú **251/5 phố mơ
Gia. tấn, T. nhất, Đông nai**

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Thiên chúa**



NGÓN TRỎ TRÁI



NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi nổi C.lom
dưới sau đầu mắt trái

Ngày 16 tháng 07 năm 1980

ĐIỀU KIỆN CÔNG AN



V. Tài

Trương Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~022656039~~

Họ tên **NGUYỄN THỊ THÚY-
TRÂM**

Sinh ngày **05-10-1974**

Nguyên quán **Hà Nam Ninh.**

Nơi thường trú **12/2 Phường 3,
Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.**

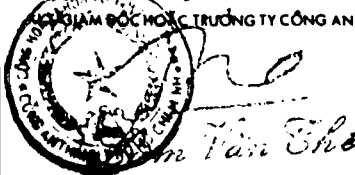
Dân tộc:

Kinh Tôn giáo: Thiên Chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọ chấm cách 3cm
dưới sau quôi mắt
trái.

Ngày 14 tháng 03 năm 1989



NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022029836**

Họ tên **NGUYỄN THỊ THÚY-
PHƯƠNG**

Sinh ngày **21-11-1969**

Nguyên quán **Hà Nam Ninh,**

Nơi thường trú **12/2 Tổ 8, P10**

Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc

Kinh

Tôn giáo: thiên chúa



NGƯỜI TRÁI

ĐAU VẾT RUẾT HOẶC DI HÌNH

Sẹo tròn 0,4cm cách,
5cm trên đầu mày phải



NGƯỜI PHẢI

Ngày 17 tháng 1 năm 1985

HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Đỗ Văn
hạnh Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020873978**

Họ tên **NGUYỄN PHỊ THÚY-**

DIỄM

Sinh ngày **13-7-1964**

Nguyên quán **Phường Đốc**

Hà Nam Ninh

Nơi thường trú **12/2 Thới Ngọ**

Hầu, TP Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo: Thiên Chúa



NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Đeo chum chỉ ch 2cm
dưới trước dấu mắt
phải.



NGÓN THUMB PHẢI



Nơi 17 tháng 4 năm 1979

TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

Q. TÂN BÌNH

[Handwritten signature]
Sinh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

SỐ **021702788**

Họ tên **NGUYỄN THÁI ÂN**



Sinh ngày **26-2-1958**

Nguyên quán **Hà Nam Ninh**

Nơi thường trú **12/2 P10, Tân-
Bình, TP. Hồ Chí Minh.**

Danh tước

Kinh

Tên giao: Chí Tôn hủ



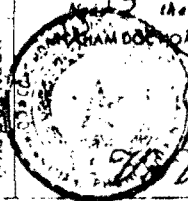
NGON TRO TRAI

NGON TRO PHAI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Đeo chấm cách 2cm
trên sau cánh mũi
trái.

15 tháng 8 năm 1987



THAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Chang

Trần Việt Thanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~12/2 THOẠI-N-H~~

Họ tên: NGUYỄN THỊ THÚC MỸ

Sinh ngày: 9-7-1967

Nguyên quán: Hà Nam Ninh.

Nơi thường trú: 12/2 Thoại-N-
Hầu, P.10, T.3, T.P. Hồ Chí Minh

Dân tộc: kinh Tôn giáo: thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

...đều thông d,lom,olo
...trước mặt phải.

Ngày 18 tháng... 1 năm 1993

TRƯỞNG TY CÔNG AN

Frank Van

*** HỒ SƠ TÊN:

Ng. Thai Hoa

() ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KẸM: (hoãn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

*** TÀI LIỆU CẦN BỔ TỤC:

() Hồ sơ bảo trở () IV# , () LOI , () Exit visa , () I-171 , () GIẤY RA TRẠI

(X) Giấy hộ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly di, khai tử v.v...

(X) Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...

() Giấy bảo tử (nếu chết trong trại học tập)

(X) Tài liệu liên hệ đến tư nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa Kỳ)
huy chương v.v...

*** CÁC THỦ KHÁC:



Nguyễn Thái Hòa



Nguyễn Thị Tâm



Nguyễn Thái An



Nguyễn Thị Thủy Diễm



Nguyễn Thị Thủy Mỹ



Nguyễn Thị Thủy Nhung



Nguyễn Thị Thủy Diệp



Nguyễn Thị Thủy Tiên

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TÒA BIÊN HÒA

Trích-lục văn-kiến thế-vì hộ-tịch lưu-trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà H.G.R.Q. BIÊN HÒA .

Một bản chánh giấy thế-vì

Khai sanh

cấp cho NGUYỄN THAI HOA

do Ô. ĐANG HUU THU

(1) Ngày 10/4/1958

Giấy thế-vì Khai sanh

, Chánh-Án Tòa BIÊN HÒA

cho NGUYỄN THAI HOA

với tư-cách Thâm-Phán Hòa-Giải, cấp ngày 10 / 4 / 1958

và đã trước-bạ ;

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

(1) Số 1.004

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ - Tướng Chánh - Phủ Lâm - Thời Nam - Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình - Luật Canh - Cải sửa - đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên - thệ, quả quyết và biết chắc rằng :

NGUYỄN THAI HOA;

sanh ngày mùng hai, tháng hai, năm một ngàn chín trăm ba mươi lăm (2 / 2 / 1935);

tại làng Phương-đề, tỉnh Nam-Định,

con của NGUYỄN RUY và VU THI MÔ;

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH.

BIÊN HÒA

ngày

5

tháng

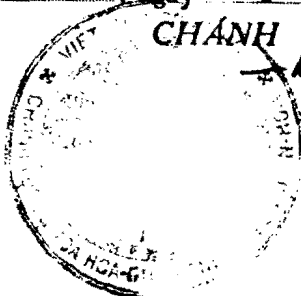
8

năm 1960

CHÁNH LỤC-SỰ.

Lệ-phí : 55

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.



TOA Án-PhủMột bản chánh giấy thế-vì hôn thú(1) Ngày 11.1.1958cấp cho Nguyễn-thái-hoàGiấy thế-vì hôn thúdo Ông Nguyễn-thái-hoàChánh-Án Toà Án-Phủcho Nguyễn-thái-hoàvới tư-cách Thăm-Phán Hoà-Giải, cấp ngày 11.1.1958(1) Số 66

và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

1/- Nguyễn-thái-hoà, sinh ngày 1.1.1935 tại làng Phước-Sở, tỉnh Hoa-Bình, con của Nguyễn-thay và Vũ-thị-o

2/- Nguyễn-thị-tin, sinh ngày 24.4.1937 tại làng Phước-Sở, tỉnh Hoa-Bình, con của Nguyễn-thay và Nguyễn-thị-thị-thị.

Và một hai người này đã lập hôn thú bậc nhất ngày 10.9.1954 tại làng Phước-Sở, tỉnh Hoa-Bình.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Án-Phủ, ngày 6 tháng 7 năm 19 68

CHÁNH LỤC-SỰ.

Lệ-phí: 700

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

Chữ ký có dấu đỏ một chữ

Nguyễn-thái-hoà

TOA Miền-BắcMột bản chánh giấy thế-vi khởi sinh(1) Ngày 11.1.1947cấp cho Nguyễn-Tạ-TinGiấy thế-vi khởi sinhdo Ông Miền-Bắc Chánh-Án Toà Miền-Bắccho Nguyễn-Tạ-Tinvới tư-cách Thăm-Phán Hoà-Giải, cấp ngày 11.1.1947(1) Số 666

và đã trước-ba.

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng:

Nguyễn - Tạ - Tin

- sinh ngày hai mươi bốn, tháng tư, năm một ngàn chín trăm ba mươi bảy (24.4.1937)
- tại làng Thương-Võ, tỉnh Nam-Định
- và là con của Nguyễn-Miền và Nguyễn-Tạ-Ngoan.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Miền-Bắc, ngày 0 tháng 7 năm 19 47

CHÁNH LỤC-SỰ.

Lệ-phí: 500

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích lục.

vi-tính-nhời

Tên, họ ấu nhi : Nguyễn - thái - An

Phái : Nam

Sinh : Hai mươi sáu tháng-hai dương lịch năm
(Ngày, tháng, năm) một ngàn chín trăm năm mươi tám

Tại : Nhà Bào sanh tỉnh Biênhoà

Cha : Nguyễn - thái - Hoà
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi ba tuổi

Nghề : Làm vườn

Cư-trú tại : Bình-Trước Biênhoà

Mẹ : Nguyễn - thị - Tin
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi một tuổi

Nghề : Buôn bán

Cư-trú tại : Bình-Trước (Biênhoà)

Vợ : Vợchánh
(chánh hay thứ)

Người khai : Trần - thị - Kiều
(Tên, họ)

Tuổi : Bốn mươi tuổi

Nghề : Nữ hộ sinh

Cư-trú tại : Bình-Trước

Ngày khai : -

Người chứng thứ nhất : Cao - thị - Ba
(Tên, họ)

Tuổi : Bốn mươi chín tuổi

Nghề : Nữ hộ sinh

Cư-trú tại : Bình-Trước

Người chứng thứ nhì : Trần - thị - Ngân
(Tên, họ)

Tuổi : Sáu mươi tuổi

Nghề : Làm vườn

Cư-trú tại : Bình-Trước

Lập tại xã Bình-Trước, ngày 28 tháng hai 1958

Người khai,
Trần-thị-Kiều

Hộ-lại,

Nhân-chứng,

PHAM VAN THANH

Cao-thị-Ba

Trần-thị-Ngân

Hội Đồng

24 tháng 3 1958

TỔNG THO KÝ

[Signature]

Y TƯỚNG 24-3-1958

HỘI VIÊN HỘ-TỊCH

[Signature]

ĐÔ - THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận - BA

Số hồ sơ 5405

6

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn (1964)

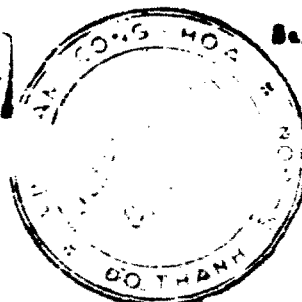
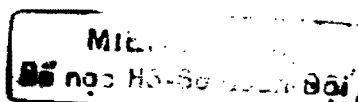
Tên, họ đứa nhỏ . . .	Nguyễn thị Thủy-Điễm
Phái	NỮ
Ngày sinh	Mười ba tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn, 18 giờ
Nơi sinh	Saigon, 443 Lê văn Duyệt
Tên, họ người Cha . .	Nguyễn Thái Hòa
Tuổi	Hai mươi chín
Nghề-nghiep	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Giadinh, 171/2 ấp Tân Canh
Tên, họ người Mẹ . .	Nguyễn thị Tín
Tuổi	Hai mươi bảy
Nghề-nghiep	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Giadinh, 171/2 ấp Tân Canh
Vợ chánh hay thứ . .	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 18 tháng 7 năm 1964

TRÍCH-LỤC Y BÀN CHÍNH : H/6

Saigon, ngày 14 tháng 5 năm 1968.

T.L. QUẢN TRƯỞNG QUẬN BA



NGUYỄN PHƯỚC HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

Tòa Hành-Chánh Quận BASố hiệu 6229

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (1967)

Tên, họ đẻ nhỏ . . .	Nguyễn thị Thủy-Mỹ
Phái	Nữ
Ngày sinh	Chín tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy, 5 giờ
Nơi sinh	Saigon, 443 Lê văn Duyệt
Tên, họ người Cha . .	Nguyễn Thái Hòa
Tuổi	Ba mươi hai
Nghề-nghiep	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Giadinh, 171/2 Thới Ngạc Hân
Tên, họ người Mẹ . .	Nguyễn thị Tín
Tuổi	Ba mươi
Nghề-nghiep	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Giadinh, 171/2 Thới Ngạc Hân
Vợ chánh hay thứ . .	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 11 tháng 7 năm 1967

Mã số
Đề nghị



TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 14 tháng 8 năm 1967.
Đ. L. QUẢN TRƯỞNG QUẬN BA

H/6

NGUYỄN-PHƯỚC-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận **NHI**Số hiệu: **I389 I/B**

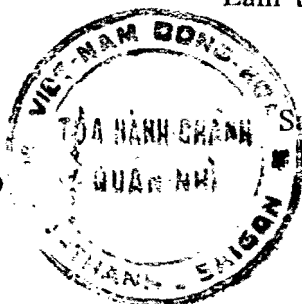
*

HỘ - TỊCH**B.C/I0B****TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH**Năm một ngàn chín trăm . **Sau mươi chín (1969)**

Tên, họ đứa nhỏ	NGUYEN THI THUY PHUNG
Phái.	Nr
Ngày sanh	hai mươi ba, tháng mười một, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín, 10g05
Nơi sanh	Saigon, 284 Cong-Quynh
Tên, họ người Cha	NGUYEN THAI HOA
Tuổi.	ba mươi bốn
Nghề-nghiệp.	quan nhân
Nơi cư-ngụ	Gia-Đình Thoai Ngoc Hau
Tên, họ người Mẹ. . . .	NGUYEN THI TIN
Tuổi.	ba mươi hai
Nghề-nghiệp.	noi tro
Nơi cư-ngụ	Gia-Đình Thoai Ngoc Hau
Vợ chánh hay thứ. . . .	vr chanh

Lâm tại Saigon, ngày **24** tháng **II** năm 196 **9****TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :**Saigon, ngày **02** tháng **II** năm 196 **9****TL. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN. NHI**

1969

**TRƯỞNG. Đ. XUYEN**

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

sa H13/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận **TB**

Thành phố, Tỉnh **Đà Nẵng**

☆

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số **114/1972**

Quyển số _____

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	NGUYỄN THỊ THUY DIỆP		Nam, Nữ
Sinh ngày	Ngày 18 tháng 01 năm 1972		
tháng năm			
Nơi sinh	Tân sơn hòa		
Khai về cha mẹ	CHA	ME	
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Thái Hòa 37 tuổi	Nguyễn Thị Tín 35 tuổi	
Dân tộc	/	/	
Quốc tịch			
Nghề nghiệp	Quân nhân	Nội trợ	
Nơi ĐKNK thường trú	Tân sơn hòa		
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Phạm Thị An 39 tuổi		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày **30** tháng **9** năm **1988**

TM. UBND **Q. TB** ký tên đóng dấu

Đã ký, ngày **21** tháng **01** năm **1987**

(ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ủy viên hồ tịch xã TSH
đã ký

Lê Văn Tâm



PHÓ-VĂN-PHONG

Lê Văn Tâm

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: 10

Lập ngày 14 tháng 10 năm 1974

PHƯỜNG 05-Hoa

Số hiệu: 1428

Tên họ đứa trẻ. . . .	Nguyen-thai-Hoa
Con trai hay con gái. .	Con trai
Ngày sanh.	Ngày 14 tháng 10 năm 1974 trên bay số 10, giờ 13 giờ 30
Nơi sanh.	Bao sanh viên Chi-Hoa
Tên họ người cha. . .	Nguyen-thai-Hoa
Tên họ người mẹ. . .	Nguyen-thi-Tin
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	Vu-thi-Doe

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH
Saigon, ngày 14 tháng 10 năm 1974
Viên-Chức Hộ-Tịch,
CHIEU
NGUYỄN-CHÂU-CHÂU

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 220798 CN

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Thái An

Ấp, ngõ, số nhà: 14/2

Thị trấn, đường phố: Chuối Ngà, Cầu

Xã, phường: B.A

Huyện, quận: Cần Giuộc

Ngày 12 tháng 5 năm 1975

Trưởng công an: Trần Công Tuấn

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHÓ CÔNG AN QUẢN



THIẾT TÀI: TRẦN CÔNG TÀI

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐK NK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Nguyễn Thái Sơn (cha)	cha	Nam	1958	021702768	Kinh doanh tại gia đình	1-10-1976		
02	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	con	Nữ	1966	022710978	Việc gia đình	1-10-1976		
03	Nguyễn Thị Ngọc Hương	con	Nữ	1969	022710978		1-10-1976		
04	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	con	Nữ	1972	022710978		1-10-1976		
05	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	con	Nữ	1974	022696873				
06	Nguyễn Thị Ngọc Uyển	con	Nữ	1967	0217099320				
07	Nguyễn Thái Hòa	cha	Nam	1935	022389920				
08	Nguyễn Thị Quý	con	Nữ	1937	270598030				

KBC

KBC

KBC

INSTRUCTIONS FOR ITEM 23: Enter primary cause of admission first, followed by additional diagnoses present in order of importance; then by later diagnoses in chronological order preceded by dates made. Number diagnoses in order. Record fully—including causative agent, how, when, where, doing what, for injuries—in accordance with separate directives. For all diagnoses established by pathological findings, so state. Each chronic condition must be indicated as either "PR" (previously recorded) or "Not PR". Similarly, any other condition which has been recorded in a previous admission will be so indicated, showing the previous diagnosis. In all cases designated as previously recorded, show place, date, and register number of previous admission. Every condition that existed prior to service will be indicated as "EPTS". Diagnoses of venereal disease and malaria will be characterized either as "EPTS" or as "Not EPTS". In the case of diagnosis from which recovery occurs prior to disposition of the case, a date will be shown, thus: "Recovered, 11 May 1951". For each diagnosis line of duty status must be shown in accordance with separate directives, thus: "LD, No, EPTS," "LD, No, Misconduct," "LD, Yes, EPTS, Aggravated by Service," etc.

35. CAUSE OF DEATH <i>(Do not enter more than one cause for items (a), (b), and (c) — add (d), (e), etc., if needed)</i>	APPROXIMATE INTERVAL BETWEEN ONSET AND DEATH
I DISEASE OR CONDITION DIRECTLY LEADING TO DEATH. <i>(This does not mean the mode of dying such as heart failure or asphyxia. It means the disease, injury, or complication which caused death.)</i> n. DUE TO (Or as the consequence of) II ANTECEDENT CAUSES. <i>(Morbid conditions, if any, giving rise to the above, stating the underlying cause last.)</i> b. DUE TO (Or as the consequence of) c.	
II OTHER SIGNIFICANT CONDITIONS. <i>(Conditions contributing to death, but not related to the disease or condition causing it.)</i>	
36. AUTOPSY PERFORMED <i>(If "Yes" indicate date and place)</i>	37. HOUR AND DATE OF DEATH
38. EXACT PLACE OF DEATH	39. SIGNATURE OF PHYSICIAN

FR: DUYEN BICH TRANG

hls bi te g
ngay pti thoi hoa

JUN 19 1989



TO: Mrs: KHUC MINH THO

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

* bac Hoa nh3, chau chuyen
toi bac.

